

Luồng gió 360° mang lại sự thoải mái cho khắp phòng



FCNQ13/18/21/26/30/36/42/48MV1



Tùy chọn Phụ kiện cần thiết cho dàn lạnh.

Điều khiển từ xa có dây

- Điều khiển từ xa có dây đơn giản^{*1}



BRC2E61

- Navigation Remote Controller^{*1} (Điều khiển từ xa điều hướng)



BRC1E63

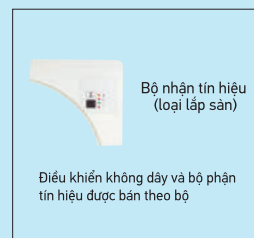
Ghi chú: ^{*1}Không bao gồm cáp điều khiển và được mua tại địa phương.

Điều khiển từ xa không dây

- Điều khiển từ xa không dây^{*2}



BRC7F633F



Ghi chú: ^{*2}Phải lắp đặt bộ nhận tín hiệu trên dàn lạnh.

Luồng gió 8 hướng thổi mái

◆ Cảm giác thoải mái được tăng cường nhờ luồng gió thổi tròn

Luồng gió 360°

- Phân bố nhiệt độ đồng đều



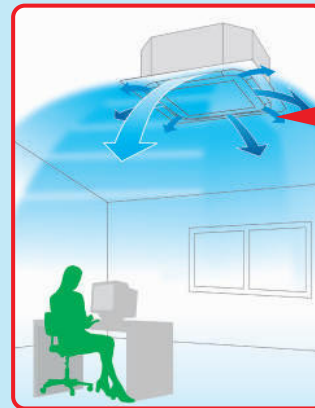
Phân bố gió tạo sự thoải mái cho cả không gian điều hòa

Sự thoải mái vẫn được duy trì ngay cả khi nhiệt độ cài đặt trong phòng tăng lên 1°C

Tiện nghi tối ưu
Tiết kiệm điện năng

Luồng gió thoải mái với hướng thổi tròn

- Tăng tính tiện nghi



Luồng gió 360° duy trì sự thoải mái ngay cả khi tốc độ gió thấp.

Nếu nhiệt độ cài đặt tăng từ 1 đến 1.5°C, và tốc độ gió giảm 25%, bạn vẫn cảm nhận được nhiệt độ và sự thoải mái không đổi.

◆ Thích hợp với mọi không gian lắp đặt

Gió được thổi ra từ các miệng gió ở góc dàn lạnh, độ thoải mái sẽ lan truyền rộng rãi hơn.

Các kiểu thổi gió điển hình: Tổng cộng có 23 kiểu thổi gió

Thổi tròn



(Ví dụ: lắp đặt giữa trần nhà)

Có thể thổi được 4 hướng

Thổi 3 hướng



(Ví dụ: lắp đặt ở gần tường)

Thổi 2 hướng chữ L



(Ví dụ: lắp đặt ở góc phòng)

Thổi 2 hướng đối diện



(Ví dụ: lắp đặt ở phòng có chiều sâu)

Lưu ý: Một kiểu mặt nạ được sử dụng đồng nhất cho tất cả các kiểu thổi gió. Ngoài kiểu lắp đặt thổi tròn, cần sử dụng tấm chắn miệng thổi gió (phụ kiện tùy chọn) cho tất cả các kiểu còn lại để đóng các miệng gió không sử dụng. Độ ồn gia tăng khi sử dụng thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.

Lớp phủ chống bụi, vi khuẩn

◆ Mặt nạ được phủ một lớp vật liệu không thấm bụi

- Để ngăn bụi bám vào, mặt nạ đã được phủ một lớp chống bụi bẩn.

- Cánh đảo gió không nghiêng

Nước ngưng tụ và bụi bẩn khó bám vào cánh đảo gió không nghiêng. Dễ dàng làm sạch.



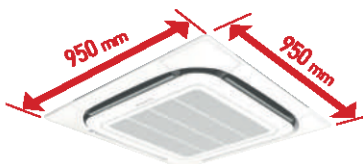
• Điều kiện sau khi tiếp xúc với khói thuốc lá (600 điều) trong 1m³ không gian kín.

- Phin lọc được xử lý chống ăn mòn và nấm mốc

Ngăn ngừa nấm mốc và sinh vật phát triển từ bụi và hơi nước bám vào phin lọc.

◆ Mặt nạ vuông đồng nhất

Kích thước mặt nạ đồng nhất cho tất cả các model, FCNQ13-48M, đảm bảo tính thẩm mỹ đồng nhất khi nhiều thiết bị được lắp đặt.



Giống nhau ở tất cả các model

◆ Sáng khoái và thuận tiện tối ưu nhờ 2 chế độ thổi gió

Lưu ý: Hướng gió được cài đặt ở vị trí tiêu chuẩn khi xuất xưởng. Vị trí có thể được thay đổi bằng điều khiển từ xa.

Hướng gió	Cài đặt tiêu chuẩn	Cài đặt chống làm bẩn trần*
Yêu cầu mong muốn	Vị trí tiêu chuẩn ngăn chặn gió lùa	Khuyến khích sử dụng tại các cửa hàng có trần màu sáng cần làm sạch thường xuyên
Đào gió tự động	Đào gió tự động trong khoảng từ 15° đến 60°	Đào gió tự động trong khoảng từ 25° đến 60°
Cài đặt hướng thổi theo 5 hướng	Có thể cài đặt với 5 mức khác nhau trong khoảng 15° đến 60°	Có thể cài đặt với 5 mức khác nhau trong khoảng 25° đến 60°
Điều khiển hướng thổi tự động	Hướng thổi được cài đặt tự động về vị trí được lưu trước đó.	

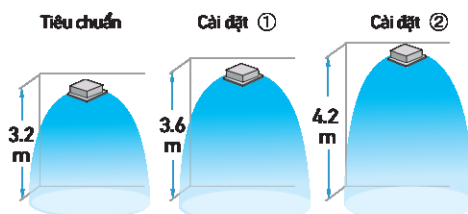
Lưu ý:

*1. Hướng gió được cài đặt ở vị trí tiêu chuẩn khi xuất xưởng, có thể được thay đổi bằng điều khiển từ xa.

*2. Nên đóng các miệng gió ở các góc dàn lạnh.

◆ Phù hợp với trần cao

Luồng gió sáng khoái được thổi xuống sàn ngay cả đối với các không gian có trần nhà cao.



Chế độ thổi tròn có thể được sử dụng cho trần cao lên đến 4.2m (30M-48M)

Tiêu chuẩn cho độ cao trần và số miệng gió
(Chiều cao trần là giá trị tham khảo)

		Số miệng gió được sử dụng							
		13-26M				30-48M			
Chiều cao trần	Tiêu chuẩn	2.7 m	3.1 m	3.0 m	3.5 m	3.2 m	3.4 m	3.6 m	4.2 m
	Mức ①	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m
	Mức ②	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—

Lưu ý: Cài đặt khi xuất xưởng: độ cao trần tiêu chuẩn và thổi tròn.

Chiều cao trần ở mức (1) và (2) có thể được cài đặt bằng điều khiển từ xa khi lắp đặt.

◆ Hai bộ cảm biến nhiệt có thể lựa chọn

Cả dàn lạnh và điều khiển từ xa có dây (tùy chọn) đều có gắn bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể được gắn tại dàn lạnh hoặc vị trí lắp điều khiển từ xa có dây, để tăng thêm sự tiện dụng và gắn với khu vực điều hòa hơn. Cần cài đặt tính năng này ngay khi bắt đầu lắp đặt.

*Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt tại dàn lạnh khi thiết bị được điều khiển từ phòng khác.

**Bộ điều khiển không dây không có bộ cảm biến nhiệt.

◆ Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Thấp

◆ Hẹn giờ Tắt/Mở

Máy bắt đầu hoạt động khi thời gian cài đặt sẵn của hẹn giờ MỞ trôi qua và dừng hoạt động khi đến thời gian cài đặt sẵn của hẹn giờ TẮT.

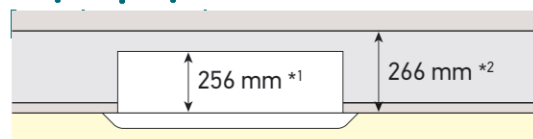
◆ Nhỏ gọn và hoạt động êm

Dàn lạnh	dB(A)
13/18M	28
21/26M	28
30/36M	32
42M	34
48M	36

Lưu ý: Giá trị quy đổi phòng không dội âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

◆ Lắp đặt nhanh chóng, dễ dàng

◆ Chiều cao chỉ 256 mm, máy có thể được lắp đặt bên dưới các trần nhà



*1 Độ dày 298 mm với model 30-48M

*2 Độ dày 308 mm với model 30-48M

◆ Dễ dàng điều chỉnh độ cao

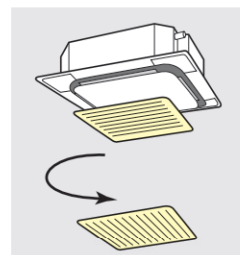
Mỗi góc máy đều có vít điều chỉnh giúp cho việc thay đổi độ cao khi treo máy trở nên đơn giản.

Lưu ý: Nếu lắp đặt thiết bị điều khiển từ xa không dây tùy chọn, thiết bị thu tín hiệu gọn nhẹ được lắp vào một trong các ổ điều chỉnh.

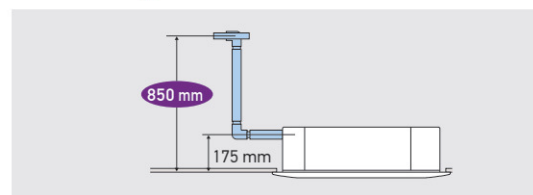
◆ Nhờ trọng lượng nhẹ, không cần sử dụng thiết bị nâng khi lắp đặt đối với tất cả các model

◆ Có thể lắp máy theo bất cứ hướng nào

Hướng của lưới hút gió có thể được điều chỉnh sau khi lắp đặt, tạo sự đồng nhất cho toàn không gian có nhiều máy được lắp đặt.



◆ Bơm nước xả được trang bị sẵn với mức nâng 850mm



◆ Đầu nối ống nước xả trong suốt

Vì đầu nối ống nước xả trong suốt, sau khi lắp ống nước xả có thể dễ dàng kiểm tra nước xả đi Cài đặt ở mức cao cho phép gió thổi xa nhất, cài đặt ra qua đầu nối.



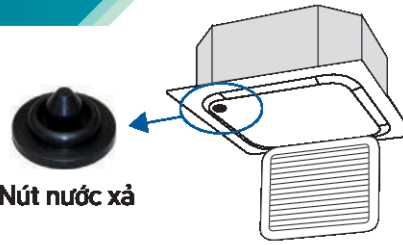
◆ Kết nối tiêu chuẩn DIII-NET

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện.

Dễ dàng bảo trì

- Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và nước xả bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.

Nút nước xả



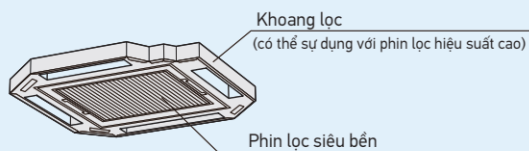
Chỉ cần mở lưới hút gió

- Với phin lọc siêu bền (phụ kiện tùy chọn), không cần thực hiện bảo dưỡng trong vòng 4 năm đối với các cửa hàng và văn phòng thông thường.

Phụ kiện cần thiết đối với máy vận hành trong môi trường đặc biệt

Phin lọc siêu bền

Ngay cả trong môi trường nhiều khói, máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần được thay mỗi năm một lần.



Môi trường nhiều khói: Thay phin lọc hàng năm

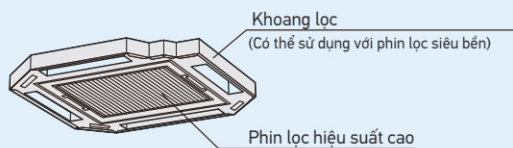
*Đối với mật độ bụi 0.3mg/m³ (Cần máy làm sạch không khí riêng biệt)
1 năm (khoảng 5,000 giờ) ≈ 15 giờ/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

Văn phòng và cửa hàng thông thường: Thay phin lọc mỗi 4 năm

*Đối với mật độ bụi 0.3mg/m³
4 năm (khoảng 10,000 giờ) ≈ 8 giờ/ngày x 25 ngày/tháng x 4 năm

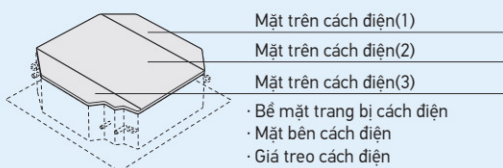
Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%.



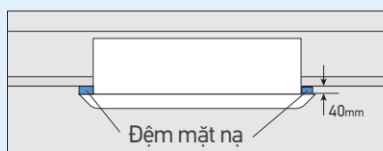
Đầy cách điện cho tình trạng độ ẩm cao

Mặt cách điện được sử dụng khi nhiệt độ 30°C và độ ẩm tương đối 80%



Đệm mặt nạ

Chỉ sử dụng khi có không gian tối thiểu giữa trần treo và tấm trần.



Lưu ý: Một số cấu trúc trần nhà có thể gây khó khăn cho việc lắp đặt.
Hãy liên hệ với đại lý bán hàng của Daikin trước khi lắp đặt.

Tấm chắn miệng thổi

Các chi tiết bịt kín sẽ khóa các khe hở thoát khí không sử dụng đến trong chế độ thổi 2 luồng và 3 luồng.

Ống nhánh (loại ống tròn nối trực tiếp)

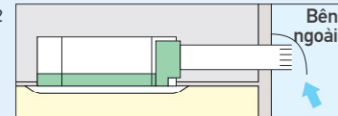
Ống tròn có thể được lắp vào máy không cần khoang.

Một cổng mặt bít để kết nối trực tiếp với ống gió tròn được cung cấp. Cũng có thể trang bị đặt buồng ống nhánh sẵn có (lỗ khe vuông).

Bộ cấp gió tươi

Chú ý 1, 2

Khi sử dụng bộ nạp gió tươi này, có thể lắp đặt thêm ống dẫn để tăng khả năng hút không khí từ bên ngoài. Có 2 loại khoang dùng để dẫn không khí vào: không có ống nối chữ T và có ống nối chữ T.

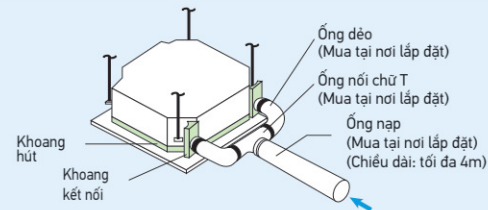


Các thiết bị có thể được lắp đặt theo các cách khác nhau như sau:

Loại khoang (Không có ống nối chữ T và quạt)

Chú ý 3, 4

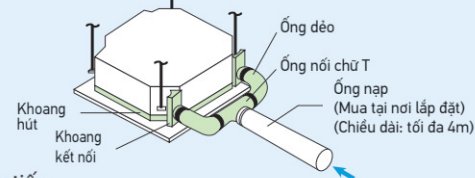
KDDP55B160



Loại khoang (Có ống nối chữ T và không có quạt)

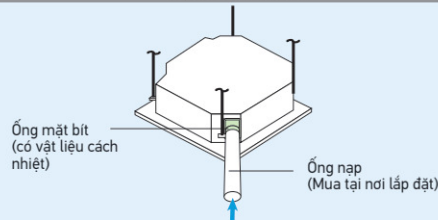
Chú ý 3, 4

KDDP55B160K



Loại lắp trực tiếp

KDDP55X160A



- Chú ý:
- Sử dụng phụ kiện tùy chọn sẽ làm gia tăng độ ồn.
 - Các ống nối, lưới chắn côn trùng, đệm chống cháy, phin lọc khí và các phụ kiện cần thiết khác được mua tại chỗ.
 - Cần có quạt không khí bên ngoài lắp kèm thiết bị điều hòa không khí. Cần có thiết bị PCB (KRP1C63) tùy chọn để lắp khóa liên động.
 - Chúng tôi khuyên rằng lưu lượng khí ngoài trời đưa vào qua bộ hút khí chỉ nên giới hạn ở 10% tỷ lệ luồng khí tối đa của dàn lạnh. Việc hút nhiều luồng khí hơn sẽ làm tăng độ ồn khi vận hành và cũng có thể ảnh hưởng đến nhiệt độ thoát ra.

Mặt nạ 360° mới giúp phân bố luồng gió đều khắp phòng



FCC50/60/85/100/125/140AV1V

Điều khiển đi kèm

Điều khiển từ xa không dây

- Điều khiển từ xa không dây



BRC52A62

Điều khiển tùy chọn

Điều khiển từ xa có dây

- Điều khiển từ xa có dây loại tiêu chuẩn



BRC51A62

- Điều khiển từ xa có dây loại SHIRO (Mới)



BRC51D61

Ghi chú: Dây kết nối đi kèm với chiều dài 10m.

Thiết kế hiện đại



Thiết kế mỏng

Chiều cao thấp chỉ 246mm phù hợp với trần thấp giúp tiết kiệm diện tích.



Mặt nạ 8 hướng

Luồng gió 8 hướng thổi

Dàn lạnh cung cấp luồng không khí thoải mái và phân bố đều khắp phòng nhờ vào mặt nạ 8 hướng thổi và chế độ đảo gió tự động được điều khiển bằng điều khiển từ xa.

Điều khiển tiện nghi

Chế độ ngủ (Tiết kiệm năng lượng)

Sau khi được kích hoạt, chế độ ngủ đảm bảo một môi trường thoải mái cho giấc ngủ ngon. Tiết kiệm điện thêm cho các ứng dụng thương mại, đặc biệt là đối với các hoạt động thấp trong khi hoạt động vào ban đêm và thời gian.

◆ Hẹn giờ BẬT / TẮT

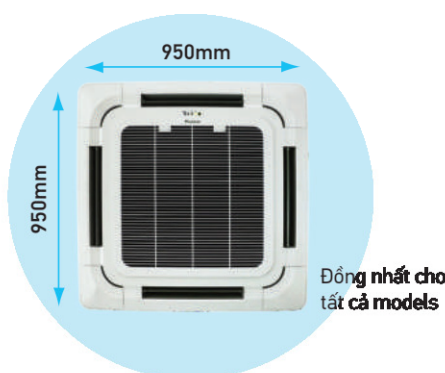
Máy sẽ hoạt động khi đến thời gian BẬT được cài đặt trước và dừng hoạt động khi đến thời gian TẮT. Cài đặt này được thực hiện trên bộ điều khiển từ xa không dây và điều khiển từ xa có dây LCD. Hoạt động BẬT / TẮT này được dựa theo thời gian thực.

◆ BẬT / TẮT máy trên dàn lạnh

Cho phép vận hành thiết bị ngay cả khi bộ điều khiển từ xa lắp đặt sai vị trí hoặc pin của điều khiển từ xa yếu. Cài đặt mặc định ở chế độ làm lạnh 24°C, chỉ cần nhấn nút BẬT / TẮT trên dàn lạnh để kích hoạt máy hoạt động tức thì.

◆ Lưu lượng gió cao

Motor quạt tốc độ cao được trang bị cho dàn lạnh.



Đồng nhất cho tất cả models

◆ Mặt nạ đồng nhất

Kích thước mặt nạ là như nhau cho tất cả các models. Điều này sẽ tạo ra sự đồng nhất về mặt thẩm mỹ cho căn phòng dù lắp đặt nhiều dàn lạnh khác công suất.

Nhiều kiểu đảo gió có thể lựa chọn



Sự thoải mái và tiện nghi được đảm bảo bằng các chế độ đảo gió (Đối với series FCC-A)

Để tăng mức độ thoải mái cho khu vực điều hòa không khí, hệ thống được tích hợp sẵn 3 kiểu gió khác nhau phù hợp với các yêu cầu khác nhau.

Lưu ý: Cài đặt mặc định cho kiểu đảo gió là 1. Có thể chọn kiểu đảo gió thông qua điều khiển từ xa không dây.



Thông số kỹ thuật

Phin lọc khí Daikin Phin lọc hiệu suất cao

BAF552A160



Cassette Round Flow (bao gồm loại có cảm biến)

VRV SkyAir



Tên model		BAF552A160		
Thương hiệu		DAIKIN		
Nơi sản xuất		AAF Malaysia		
Hiệu suất		MERV 8		
Kích thước	mm	526 x 523 x 35		
Lưu lượng gió	m³/phút	13.0	22.9	37.0
Giảm áp suất ban đầu *2	Pa	18.1	35.8	81.4
Trọng lượng	g	520		
Tuổi thọ *3		6 tháng (1,250 giờ)		
Tái sử dụng		Không tái sử dụng		

Lưu ý 1. Cần cài đặt chế độ trần cao tại nơi lắp đặt để tránh giảm lưu lượng không khí khi lắp phin lọc. Kiểu cài đặt là khác nhau tùy theo từng kiểu máy. Vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt.

*2. Kết quả này chỉ dựa trên thử nghiệm của phin lọc. Kết quả có thể khác với trong môi trường sử dụng thực tế ở nơi lắp đặt phin lọc trong dàn lạnh.

*3. Tuổi thọ của lưới lọc có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện của môi trường vận hành. Một số trường hợp nhất định như khu vực giao thông đông đúc, có vật nuôi hoặc có người hút thuốc tại nơi ở, hoặc các tình huống khác thì có thể yêu cầu thay thế thường xuyên hơn.



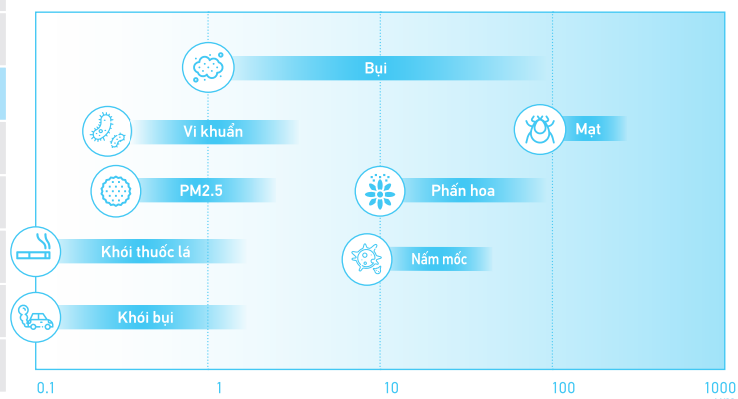
Tiêu chuẩn MERV là gì?

Bảng 1. Tiêu chí để đạt được MERV 8 (ASHRAE52.2 : 2017)

MERV	Tổng hợp hiệu suất kích thước trung bình của hạt, %, Trong phạm vi kích thước, μm			
	Phạm vi E1 (0.3 - 1.0)	Phạm vi E2 (1.0 - 3.0)	Phạm vi E3 (3.0 - 10)	10 μm ~
1 - 4	n/a	n/a	<20	Hiệu quả để thu thập
5	n/a	n/a	<20	-
6	n/a	n/a	35≤	-
7	n/a	n/a	50≤	-
8	n/a	20≤	70≤	-
9	n/a	35≤	75≤	-
10	n/a	50≤	80≤	-
11	20≤	65≤	85≤	-
12	35≤	80≤	90≤	-
13	50≤	85≤	90≤	-

Giá trị báo cáo hiệu suất tối thiểu (MERV) là hệ thống đánh giá phin lọc do ASHRAE (Hiệp hội kỹ sư nhiệt, điện lạnh và điều hòa không khí Hoa Kỳ) đưa ra để tiêu chuẩn hóa và đơn giản hóa xếp hạng đối với hiệu quả của phin lọc không khí cho cộng đồng.

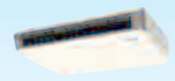
Khi xếp hạng MERV càng cao thì hiệu quả của phin lọc càng cao.



Tổng quan về các tính năng

Tiêu Chuẩn

Một Chiều Lạnh

Tổng quan về các tính năng			CASSETTE ÂM TRẦN (Round Flow)	GIẤU TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP	GIẤU TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	ÁP TRẦN
						
			FCNQ13-48MV1	FDBNQ09-26MV1(V)	FDMNQ26-48MV1	FHNQ13-48MV1(V)
			RNQ13-36MV1(9) RNQ26-48MY1	RNQ09-24MV1V RNQ26MY1	RNQ26-36MV1(9) RNQ26-48MY1	RNQ13-36MV1(V) RNQ26-48MY1
Tiết kiệm năng lượng	1	Tự động trở về điểm cài đặt	●*2	●*2	●*2	
	2	Cài đặt biên độ	●*2	●*2	●*2	
	3	Hẹn giờ lập lịch hàng tuần	●*2	●*2	●*2	
	4	Hẹn giờ TẮT (đã lập trình)	●*2	●*2	●*2	
	5	Hẹn giờ BẬT/TẮT				●
Tiện nghi	6	Đảo gió tự động	●			●
	7	Lựa chọn kiểu đảo gió	●			
	8	Động cơ quạt DC (dàn lạnh)	●			
	9	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 2 cấp	● 2 cấp	● 2 cấp	● 2 cấp
	10	Ứng dụng cho các trần nhà cao	●			●*5
	11	Hai cảm biến nhiệt tùy chọn	●*2	●*2	●*2	
Vệ sinh	12	Phin lọc bụi thô	●			●
Vận hành và bảo trì sửa chữa	13	Hệ thống bơm nước xả	●			
	14	Môi chất lạnh được nạp trước*3	●	●	●	●
	15	Phin lọc siêu bền	●			●
	16	Tín hiệu lọc	●			
	17	Chức năng tự chuẩn đoán				
Tính năng điều khiển	18	Tự động khởi động lại	●	●	●	●
	19	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	●	●	●	
	20	Điều khiển nhóm bằng 1 điều khiển từ xa	●	●	●	
	21	Điều khiển theo lệnh ngoại vi *4	●			
	22	Điều khiển trung tâm từ xa	●			
	23	Điều khiển khóa liên động với HRV	●			
	24	Giao tiếp DIII-net tiêu chuẩn	●			
Tùy chọn	25	Phin lọc hiệu suất cao	●			
	26	Phin lọc tuổi thọ cao	●			
	27	Bộ nạp gió tươi	●			



CASSETTE ÂM TRẦN ĐA HƯỚNG THỔI Một Chiều Lạnh

			13	18	21	26	30	36	42	48		
Tên Model	Dàn lạnh		FCNQ13MV1	FCNQ18MV1	FCNQ21MV1	FCNQ26MV1	FCNQ30MV1	FCNQ36MV1	FCNQ42MV1	FCNQ48MV1		
	Dàn nóng		V1 Y1	RNQ13MV1 -----	RNQ18MV19 -----	RNQ21MV19 -----	RNQ26MV19 RNQ26MY1	RNQ30MV1 RNQ30MY1	RNQ36MV1 RNQ36MY1	----- RNQ42MY1	----- RNQ48MY1	
Nguồn điện	Dàn nóng		V1	1 Pha, 220~240 V, 50 Hz					-----			
			Y1	3 Pha, 380~415 V, 50 Hz								
Công suất làm lạnh ^{1,2}			kW	3.8	5.3	6.2	7.6	8.8	10.6	12.5	14.1	
			Btu/h	13,000	18,000	21,000	26,000	30,000	36,000	42,600	48,000	
Công suất điện tiêu thụ		Làm lạnh ¹	kW	1.24	1.89	2.21	2.53	2.73	3.31	4.15	5.04	
COP			W/W	3.07	2.80		3.00	3.22	3.20	3.01	2.80	
CSPF			Wh/Wh	3.26	2.97		3.19	3.42	3.39	3.20	2.97	
Dàn lạnh	Màu mặt nạ	Thiết bị	-----									
		Mặt nạ	Trắng									
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)		m ³ /min	13 / 10			21 / 13.5		32 / 20		33 / 22.5	
			cfm	459 / 353			741 / 477		1,130 / 706		1,165 / 794	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³		dB(A)	31 / 28			35 / 28		43 / 32		44 / 34	44 / 36
	Kích thước (Cao x rộng x dày)	Thiết bị	mm	256 x 840 x 840				298 x 840 x 840				
		Mặt nạ	mm	50 x 950 x 950								
	Khối lượng	Thiết bị	kg	19.5			21		24			
		Mặt nạ	kg	5.5								
	Dây hoạt động được chứng nhận		°CWB	14 đến 23				14 đến 25				
Dàn nóng	Màu sắc		Trắng ngà									
	Máy nén	Loại	Kiểu rotor dạng kín						Kiểu xoắn ốc dạng kín			
		Công suất động cơ điện	kW	0.9	1.4	1.8	2.2		2.7	3.75	4.5	
	Mức nạp sẵn môi chất lạnh (R410A)		kg	1.2 (Nạp cho 10 m)	1.4 (Nạp cho 10 m)	1.5 (Nạp cho 10 m)	2.0 (Nạp cho 10 m)	1.9 (Nạp cho 15 m)	3.2 (Nạp cho 15 m)	2.7 (Nạp cho 15 m)	3.2 (Nạp cho 15 m)	
	Độ ồn ³		dB(A)	49	51	52	54	55	54	56	58	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	550 x 765 x 285		595 x 845 x 300		735 x 825 x 300		990 x 940 x 320		1,345 x 900 x 320
	Khối lượng	V1	kg	36		40	49	56	77	103	-----	
		Y1	kg	-----		-----	-----	56	74	103	107	111
	Dây hoạt động được chứng nhận		°CDB	19.4 đến 46				21 đến 46				
	Ổng kết nối	Lồng		mm	φ 6.4			φ 7.5				
Hơi		mm	φ 12.7			φ 15.9						
Ổng xả		Dàn lạnh	mm	VP25 (Đường kính trong φ 25× Đường kính ngoài φ 32)								
		Dàn nóng	mm	φ 18.0 (Lỗ)				φ 26.0 (Lỗ)				
Chiều dài đường ống tối đa			m	30			30 (Chiều dài tương đương 50)	50 (Chiều dài tương đương 70)				
Chênh lệch độ cao tối đa khi lắp đặt			m	10	15		20	30				
Cách nhiệt			Cả ống hơi và ống lỏng									

Lưu ý:

¹Công suất lạnh danh định dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19.0°CWB; Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, 24°CWB. Độ dài tương đương 7.5 m (nằm ngang).

²Công suất riêng, dựa trên việc làm mát cho động cơ quạt dàn lạnh.

³Giá trị được đo trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn và thông số JIS. Trong hoạt động thực tế những giá trị này có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

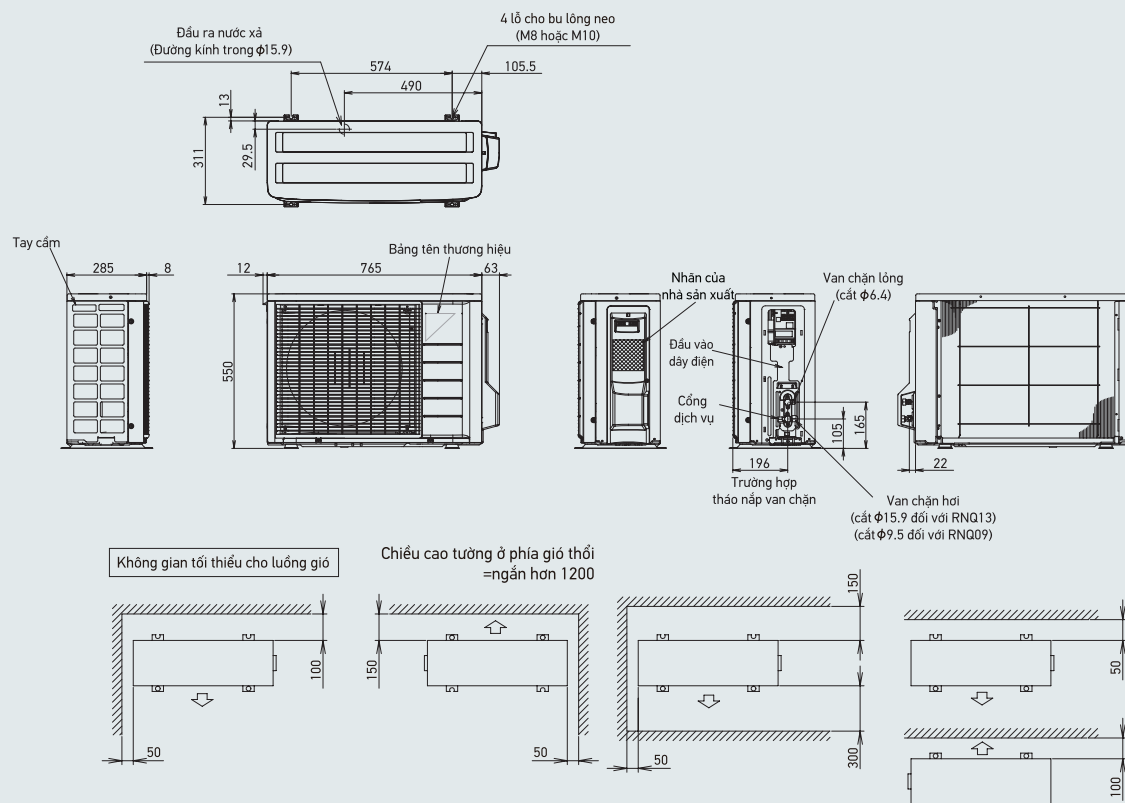
Sản xuất tại Malaysia



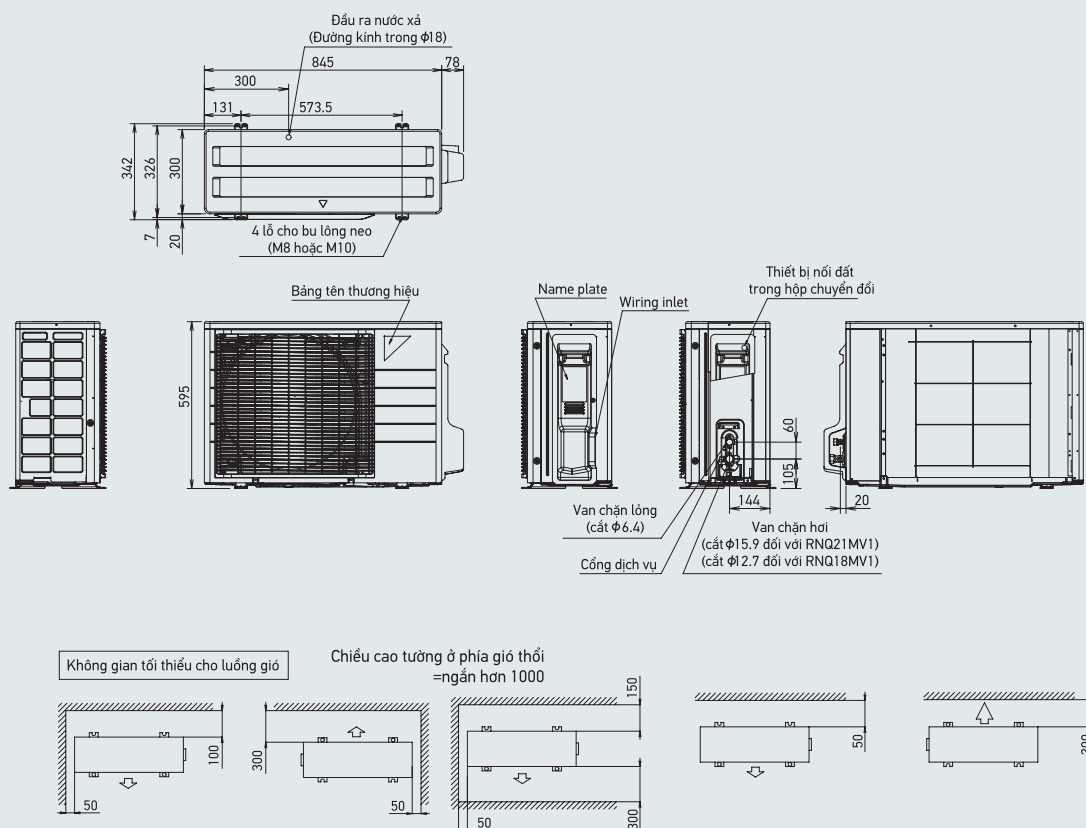
CASSETTE ÂM TRẦN ĐA HƯỚNG THỔI Một Chiều Lạnh

			50	60	85	85	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh		FCC50AV1V	FCC60AV1V	FCC85AV1V	FCC85AV1V	FCC100AV1V	FCC125AV1V	FCC140AV1V		
	Dàn nóng		V1	RC50AGV1V	RC60AGV1V	RC85AGV1V	-----	-----	-----		
Nguồn điện	Dàn nóng		Y1	-----	-----	RC85AGY1V	RC100AGY1V	RC125AGY1V	RC140AGY1V		
			V1	1 Pha, 220~240 V, 50 Hz					-----		
			Y1	-----					3 Pha, 380~415 V, 50 Hz		
Công suất làm lạnh			kW	5.42	7.03	8.79	8.79	10.55	12.31	14.07	
			Btu/h	18,500	24,000	30,000	30,000	36,000	42,000	48,000	
Công suất điện tiêu thụ		Làm lạnh	kW	1.68	2.13	2.71	2.70	3.22	3.62	4.10	
COP			W/W	3.23	3.30	3.24	3.26	3.28	3.40	3.43	
CSPF			Wh/Wh	---	---	---	---	---	---	---	
Dàn lạnh	Màu mặt nạ		BC50FV								
	Màu mặt nạ		Trắng sáng								
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)		m ³ /phút	23.8 / 19.8 / 15.9 / 12.5			25.2 / 21.5 / 17.6 / 13.9			31.7 / 29.2 / 25.2 / 21.5	
			cfm	840 / 700 / 560 / 440			890 / 760 / 620 / 490			1,120 / 1,030 / 890 / 760	
	Độ ồn (Cao/Thấp)		dB(A)	42 / 39 / 37 / 35			44 / 40 / 37 / 35			48 / 46 / 43 / 40	
	Kích thước (Cao x rộng x dày)	Thiết bị	mm	246 x 840 x 840					288 x 840 x 840		
		Mặt nạ	mm	69 x 950 x 950							
	Khối lượng	Thiết bị	kg	22					25		
	Dải hoạt động		°CWB	14 đến 23							
Dàn nóng	Màu sắc		Trắng ngà								
	Máy nén	Loại	Kiểu rotor			Kiểu rotor (đồng)			Kiểu xoắn ốc		
		Công suất động cơ điện	kW	1.46	1.87	2.42	2.41	2.89	3.23	3.55	
	Mức nạp sẵn môi chất lạnh (R32)		kg	0.7 (Nạp cho 7.5 m)	1.25 (Nạp cho 7.5 m)	1.55 (Nạp cho 7.5 m)	1.50 (Nạp cho 7.5 m)	1.3 (Nạp cho 7.5 m)	2.4 (Nạp cho 7.5 m)	2.9 (Nạp cho 7.5 m)	
	Độ ồn		dB(A)	52	52	53	53	55	58	60	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	615 x 845 x 300			695 x 930 x 350			852 x 1,030 x 400	
	Khối lượng		kg	40	46	56	57	64	79	86	
	Dải hoạt động		°CDB	19 đến 46							
	Ống kết nối	Lồng		mm	ø 6.4			ø 9.5			
		Hơi		mm	ø 12.7			ø 15.9			
Ống xả		Dàn lạnh	mm	ø 19.0							
Chiều dài đường ống tối đa			m	35			50				
Chênh lệch độ cao tối đa khi lắp đặt			m	20			30				
Cách nhiệt			Cả ống hơi và ống lỏng								

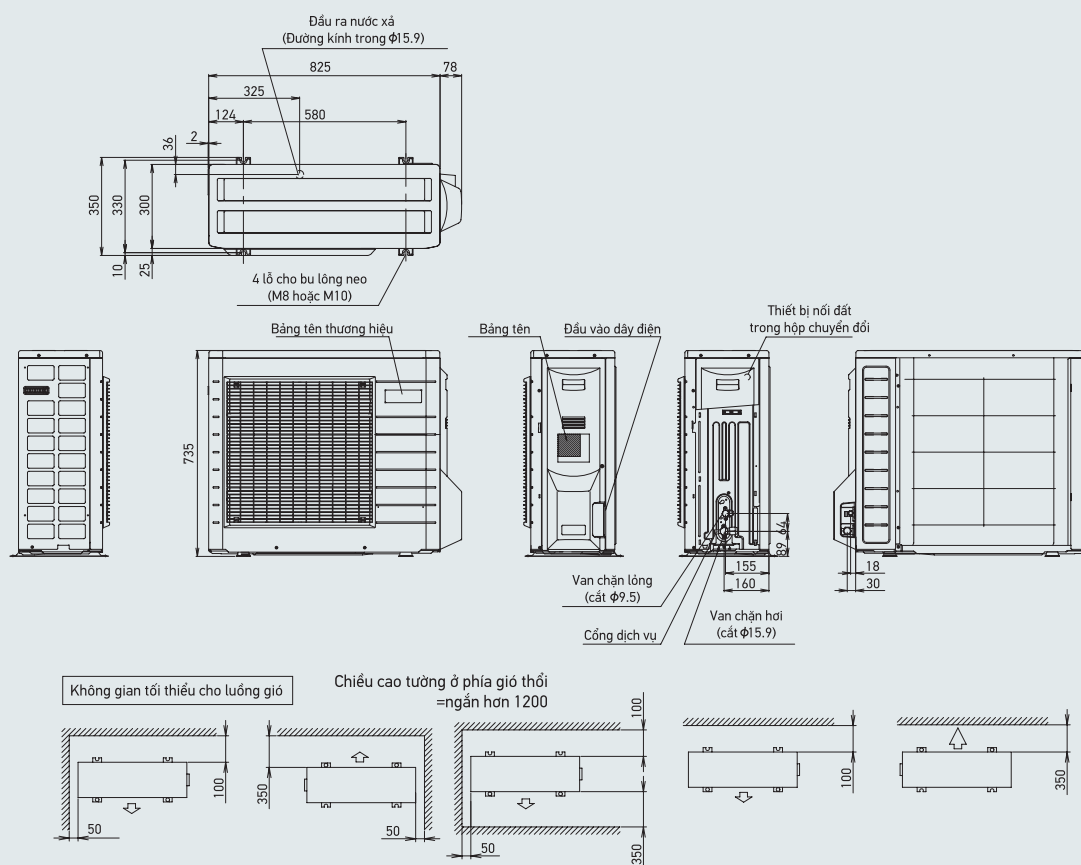
DÀN NÓNG // RNQ09MV1V, RNQ13MV1(V)



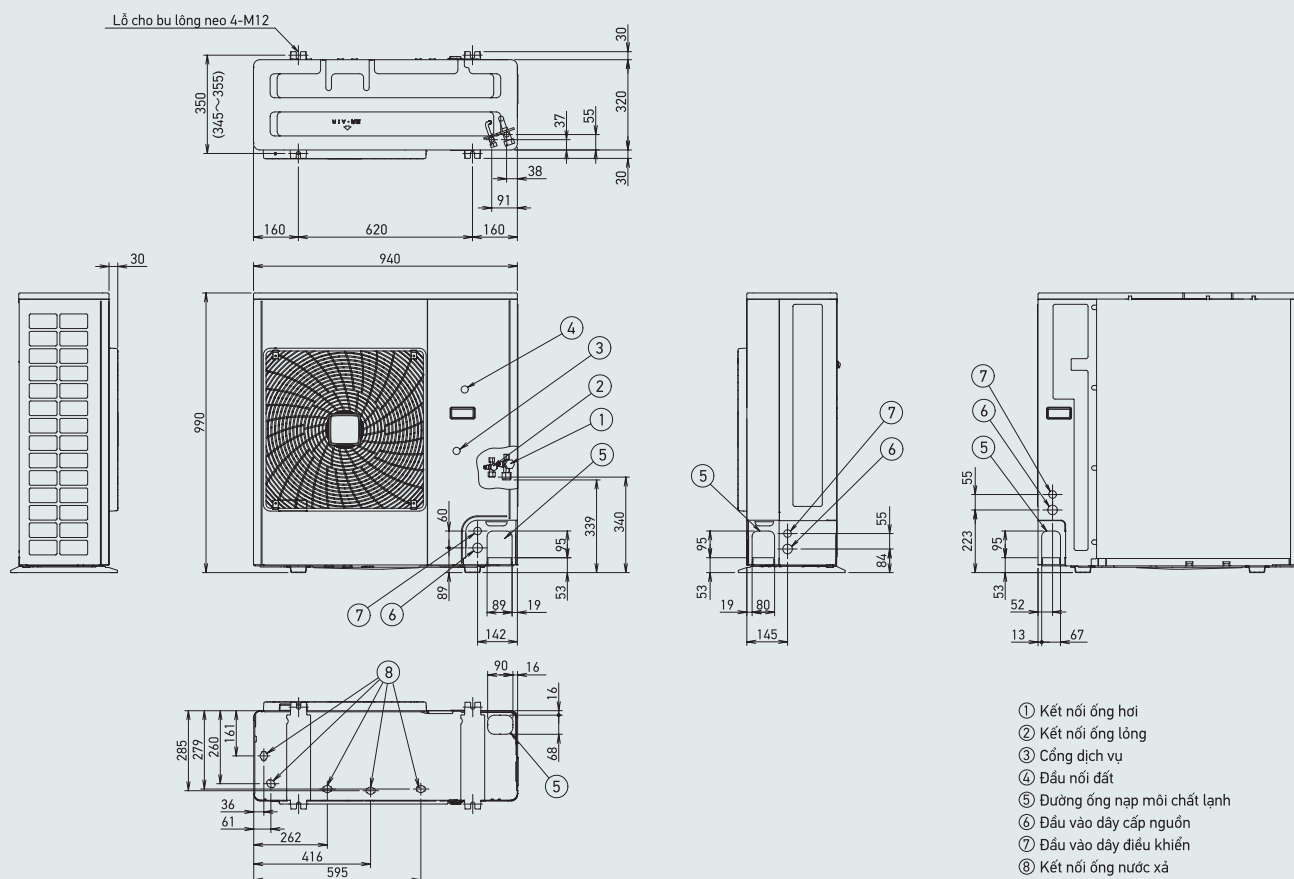
DÀN NÓNG // RNQ18/21MV1(V)



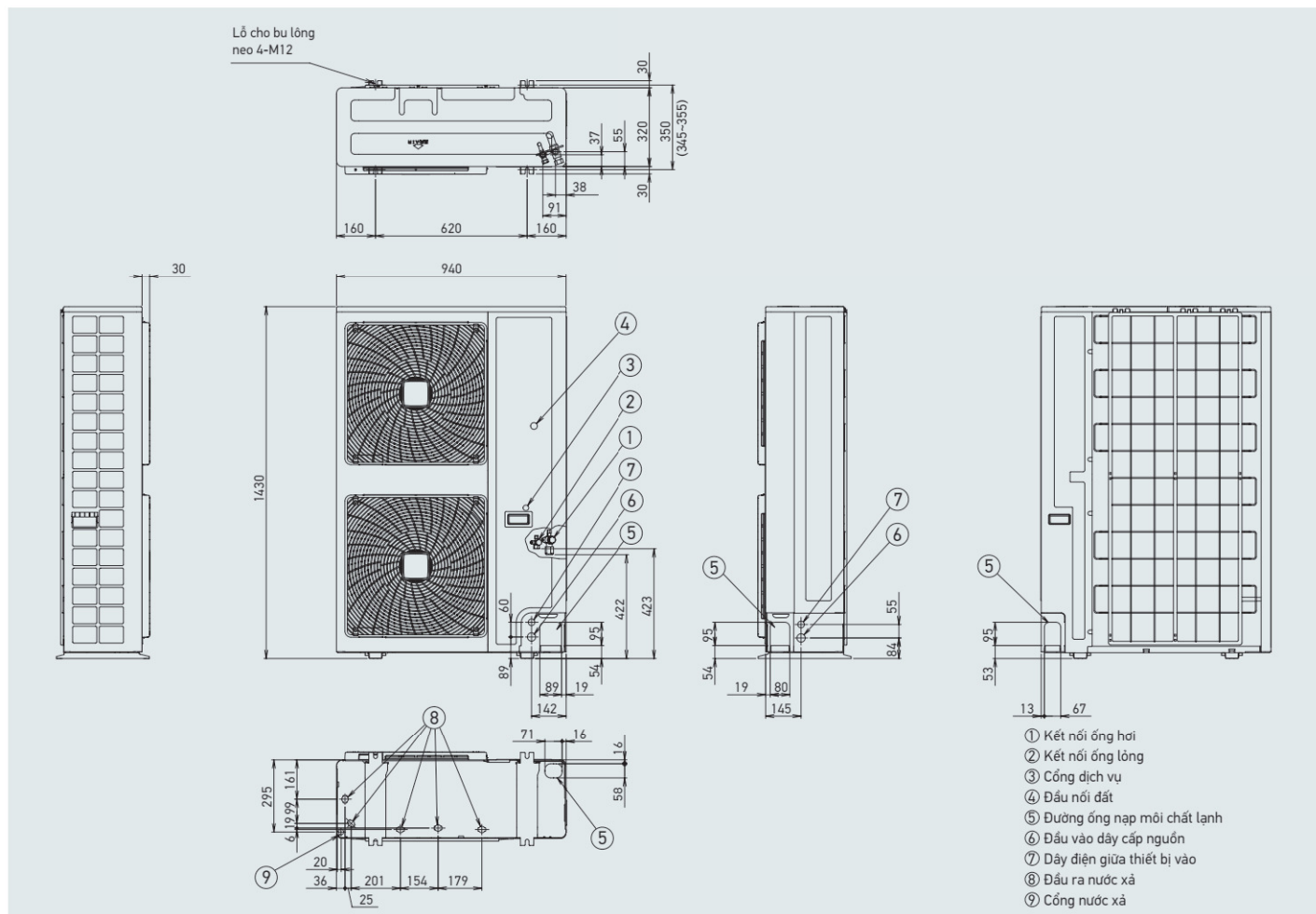
DÀN NÓNG // RNQ24MV1V, RNQ26MV1, RNQ26MY1



DÀN NÓNG // RNQ30MV1(V), RNQ30MY1



DÀN NÓNG // RNQ36MV1V



DÀN NÓNG // RNQ36MV1, RNQ36/42/48MY1

